



Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2350 /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 01/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 07 tháng 8 năm 2026);

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 06 tháng 8 năm 2026);

Thực hiện Kế hoạch số 412/KH-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2026 của Chính phủ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục 151 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên (có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính tại Điều 1; công khai, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện và kịp thời rà soát, đề xuất điều chỉnh danh mục khi có thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- HTTT giải quyết TTHC (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC_(NTVA).



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Phú

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CHO DOANH NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 2350 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Mức độ cung cấp DVCTT
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới/ giấy phép xây dựng có thời hạn công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
2	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và nhà ở riêng lẻ (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
3	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
4	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
5	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo, đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần

6	1.013230	Cấp giấy phép xây dựng di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
7	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương	Một phần
8	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
9	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
10	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương	Một phần
11	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ).	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	Một phần
12	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Sở Xây dựng	Một phần
13	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Sở Xây dựng	Toàn trình
14	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Kinh doanh bất động sản	Sở Xây dựng	Toàn trình
15	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Kinh doanh bất động sản	Sở Xây dựng	Toàn trình
16	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Kinh doanh bất động sản	Sở Xây dựng	Một phần

17	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Kinh doanh bất động sản	Sở Xây dựng	Một phần
18	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
19	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
20	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
21	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
22	1.013769	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
23	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
24	1.012886	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
25	1.012887	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
26	3.000507	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
27	3.000508	Điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư	Nhà ở	Sở Xây dựng	Toàn trình
28	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	Một phần
29	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	Một phần

30	1.014159	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	Toàn trình
31	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	Toàn trình
32	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	Toàn trình
33	1.115407	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	Vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng	Toàn trình
34	1.014783	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy	Vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng	Một phần
35	1.000314	Chấp thuận vị trí nút giao đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
36	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
37	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
38	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
39	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
40	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
41	1.000672	Công bố lại bến xe khách	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
42	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
43	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
44	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
45	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
46	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình

47	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
48	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
49	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
50	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
51	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
52	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
53	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
54	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
55	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
56	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
57	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
58	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
59	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
60	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
61	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
62	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
63	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình

64	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
65	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
66	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
67	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
68	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
69	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
70	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	Đường bộ	Sở Xây dựng	Toàn trình
71	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
72	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
73	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Sở Xây dựng	Một phần
74	2.002001	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
75	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
76	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
77	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
78	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
79	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình

80	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
81	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
82	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
83	1.009442	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
84	1.009448	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
85	1.009449	Công bố mở khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
86	1.009451	Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
87	1.009459	Công bố mở luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
88	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
89	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
90	1.009463	Lấy ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
91	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
92	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
93	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở	Hàng hải và đường	Sở Xây dựng	Toàn trình

		hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	thủy nội địa		
94	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
95	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
96	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
97	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
98	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
99	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Một phần
100	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
101	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
102	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
103	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
104	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
105	1.115949	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Toàn trình
106	1.002693	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.	Hạ tầng kỹ thuật	UBND các xã, phường	Một phần

107	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.	Đăng kiểm	Sở Xây dựng	Một phần
108	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.	Đăng kiểm	Sở Xây dựng	Một phần
109	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.	Đăng kiểm	Sở Xây dựng	Một phần
110	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.	Đăng kiểm	Sở Xây dựng	Một phần
111	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định cho xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời.	Đăng kiểm	Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới - Sở Xây dựng	Một phần
112	1.013097	Cấp lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo.	Đăng kiểm	Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới - Sở Xây dựng	Một phần
113	1.013092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.	Đăng kiểm	Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới - Sở Xây dựng	Một phần
114	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định.	Đăng kiểm	Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới - Sở Xây dựng	Một phần
115	1.013101	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (bao gồm kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ và xe có đăng ký tạm thời).	Đăng kiểm	Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới - Sở Xây dựng	Một phần

116	1.013206	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo.	Đăng kiểm	Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới - Sở Xây dựng	Một phần
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	UBND các xã, phường	Một phần
2	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	UBND các xã, phường	Toàn trình
3	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	UBND các xã, phường	Toàn trình
4	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	UBND các xã, phường	Toàn trình
5	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	UBND các xã, phường	Toàn trình
6	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng	Hoạt động xây dựng	UBND các xã, phường	Toàn trình

		đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.			
7	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.	Hoạt động xây dựng	UBND các xã, phường	Một phần
8	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	UBND các xã, phường	Một phần
9	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	UBND các xã, phường	Một phần
10	1.014159	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	UBND các xã, phường	Toàn trình
11	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.	Đường bộ	UBND các xã, phường	Toàn trình
12	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ.	Đường bộ	UBND các xã, phường	Toàn trình
13	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.	Đường bộ	UBND các xã, phường	Toàn trình
14	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác.	Đường bộ	UBND các xã, phường	Toàn trình
15	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
16	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình

17	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
18	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
19	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
20	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
21	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
22	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
23	1.115950	Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Một phần
24	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
25	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
26	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
27	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
28	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình

29	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
30	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
31	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
32	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
33	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
34	1.115949	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Toàn trình
35	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.	Hàng hải và đường thủy nội địa	UBND các xã, phường	Một phần